

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2022/HNGĐ-ST.**

Ngày 09/3/2022.

V/v “*Tranh chấp xin ly hôn,
con chung, về cấp dưỡng nuôi
con, về tài sản chung, về nợ chung;
yêu cầu công nhận QSD đất và đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiện.

Ông Vũ Văn Hợp.

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung - Thư ký TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham phiên tòa: Ông Lâm Sễn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 336/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, con chung, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung; yêu cầu công nhận QSD đất và đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/02/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp Phước H, xã Mong Th B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang;

* Bị đơn: Chị **Võ Thị Kiều O**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Phước L, xã Mong Th B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Võ Thị L**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Ấp Phước L, xã Mong Th B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Trương Thị Đ**, sinh năm: 1955. Địa chỉ: Ấp Phước L, xã Mong Th B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ là: Anh **Võ Thanh T1**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp Phước L, xã Mong Th B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Anh T, chị O có mặt;

chị L, bà Đ và anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày như sau:**

Về hôn nhân: Năm 2014 anh và chị O tự tìm hiểu đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng cho đến nay vẫn không thể dung hòa được cuộc sống gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị O.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 01 con chung tên Võ Hoàng Hương, sinh ngày 01/01/2015. Anh đồng ý giao con cho chị O nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 phần đất nền nhà và 01 căn nhà gỗ gắn liền trên đất cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 4,50m, dài 15m, diện tích 67,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Th B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, trị giá khoảng 370.000.000 đồng. Nguồn gốc đất chuyển nhượng của bà Trương Kim Hồng, ông Nguyễn Văn Sơn vào tháng 07/2020 (đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất). Hiện nay hiện nay không ai sử dụng.

- 01 căn nhà cấp 4 và đất cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 5,50m, dài 19m, diện tích 104,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Th B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, trị giá khoảng 900.000.000 đồng (đất khoảng 400.000.000 đồng, nhà khoảng 500.000.000 đồng). Nguồn gốc đất là của mẹ vợ cho vào năm 2016, cùng năm vợ chồng anh chị cất nhà ở, tiền cất nhà là của vợ chồng anh chị (đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất). Phần tài sản này hiện nay do chị O sử dụng và quản lý.

Anh yêu cầu được nhận: 01 phần đất nền nhà và 01 căn nhà gỗ gắn liền trên đất cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 4,50m, dài 15m, diện tích 67,5m², đất tọa lạc tại

ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, trị giá khoảng 370.000.000 đồng.

Anh đồng ý giao 01 căn nhà cấp 4 và đất cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 5,50m, dài 19m, diện tích 104,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, trị giá khoảng 900.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh chị không còn tài sản chung nào khác. Các vật dụng trong gia đình anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với yêu cầu phản tố của chị O: Yêu cầu chia 01 chiếc Sh biển số 68C1-514.37 do anh Nguyễn Tấn T đứng tên, trị giá hiện tại khoảng 80.000.000 đồng. Hiện nay do anh T đang sử dụng. Anh không đồng ý chia vì đây là tài sản riêng của anh. Theo anh thì hiện nay chiếc xe có giá trị khoảng 50.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu độc lập của chị L: Yêu cầu vợ chồng anh chị trả số nợ 200.000.000 đồng thì anh có ý kiến như sau: Anh không đồng ý với lời trình bày của chị O cho rằng là nợ chung của vợ chồng anh chị. Vì anh không có mượn tiền của chị L, cũng không biết gì về số nợ này và cũng có ký tên vào giấy biên nhận nợ. Nên anh không đồng ý cùng chị O trả nợ trên cho chị L.

- Đối với yêu cầu độc lập của bà Đ: Yêu cầu vợ chồng anh chị trả lại cho bà 01 căn nhà cấp 4 và đất cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 5,50m, dài 19m, diện tích 104,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Anh không ý với lời trình bày của chị O cho rằng tài sản nêu trên là bà Đ cho ở nhờ. Anh xác định năm 2016 bà Đ (là mẹ vợ) cho vợ chồng anh phân đất nêu trên và tiền cất nhà là của vợ chồng anh chị. Nên anh không đồng ý trả lại nhà đất cho bà Đ.

Ngày 24/12/2021 và ngày 26/01/2022 anh Nguyễn Tấn T có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng anh chị.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Võ Thị Kiều O trình bày như sau:***

Về hôn nhân: Năm 2014 chị và anh T tự tìm hiểu đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó anh T thường xuyên có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác rồi về nhà đập phá đồ đạc trong gia đình và đánh chị. Chị đã cố gắng tha thứ cho anh nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Thời gian gần đây anh T có quan hệ tình cảm và cùng chung sống với người phụ nữ khác nên nộp đơn xin ly hôn với chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly

hôn với anh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 01 con chung tên Võ Hoàng Hương, sinh ngày 01/01/2015. Hiện nay con còn nhỏ và do chị đang nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.00 đồng.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 phần đất nền nhà và 01 căn nhà gỗ gắn liền trên đất cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 4,50m, dài 15m, diện tích 67,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, trị giá khoảng 370.000.000 đồng. Nguồn gốc đất chuyển nhượng của bà Trương Kim Hồng, ông Nguyễn Văn Sơn vào tháng 07/2020 (đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất). Hiện nay hiện nay không ai sử dụng. Trong số tiền chuyển nhượng tài sản thì phần anh T là 70.000.000 đồng, phần của chị là 100.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng là vợ chồng anh chị mượn của chị ruột chị tên là Võ Thị L.

- 01 chiếc xe Sh trị giá 80.000.000 đồng (hiện nay do anh T đang sử dụng).

Chị yêu cầu được nhận: 01 phần đất nền nhà và 01 căn nhà gỗ gắn liền trên đất cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 4,50m, dài 15m, diện tích 67,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, trị giá khoảng 370.000.000 đồng.

Chị đồng ý giao cho anh T 01 chiếc xe Sh trị giá 80.000.000 đồng (hiện nay do anh T đang sử dụng) và số tiền 70.000.000 đồng tiền anh T góp vào mua nhà đất.

Ngoài ra, anh chị không còn tài sản chung nào khác. Các vật dụng khác trong gia đình anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với tài sản là 01 căn nhà cấp 4 và đất cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 5,50m, dài 19m, diện tích 104,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, trị giá khoảng 450.000.000 đồng. Tài sản này là của mẹ ruột chị tên là Trương Thị Đ cho vợ chồng chị ở nhờ từ năm 2016. Tiền mua đất và cất nhà là của mẹ chị nên chị không đồng ý chia.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị có nợ chị ruột của chị tên là Võ Thị L số tiền là 200.000.000 đồng. Số tiền nợ này là anh chị mượn để mua phần đất nền nhà và căn nhà gỗ cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 4,50m, dài 15m, diện tích 67,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Nếu anh T đồng ý giao 01 phần đất nền nhà và 01 căn nhà gỗ gắn liền trên đất cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 4,50m, dài 15m, diện tích 67,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cho chị thì chị sẽ

trả toàn bộ số nợ này. Còn anh T không đồng ý mà yêu cầu chia tài sản nêu trên thì chị yêu cầu chia đôi số nợ này, mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$.

- Đối với yêu cầu độc lập của chị L: yêu cầu vợ chồng anh chị trả số nợ 200.000.000 đồng thì chị có ý kiến như sau: Chị đồng ý với lời trình bày của chị L đây là nợ chung của vợ chồng anh chị. Nên chị đồng ý trả nợ cho chị L.

- Đối với yêu cầu độc lập của bà Đ: yêu cầu vợ chồng anh chị trả lại cho bà Đ 01 căn nhà cấp 4 và đất cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 5,50m, dài 19m, diện tích 104,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Đây là tài sản của bà Đ cho vợ chồng anh chị ở nhờ. Nên chị đồng ý trả lại nhà đất cho bà Đ.

Ngày 26/01/2022 chị Võ Thị Kiều O có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố đối với yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*** Tại đơn yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị L trình bày:** Trước đây, vợ chồng chị Võ Thị Kiều O và anh Nguyễn Tấn T mua nhà đất của vợ chồng bà Trương Kim Hồng nhưng không đủ tiền nên ngày 25/7/2020 chị O có đến nhà chị mượn số tiền là 200.000.000 đồng. Khi mượn có làm biên nhận nợ, thời hạn trả nợ là 07 tháng và có sự chứng kiến của chị Nguyễn Ngọc Ánh. Nay đã hết thời hạn trả số tiền nhưng vợ chồng chị O, anh T chưa trả tiền cho chị. Chị được biết hiện nay vợ chồng chị O, anh T đang làm thủ tục ly hôn nên chị yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Võ Thị Kiều O và anh Nguyễn Tấn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền nợ là 200.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 25/7/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngày 26/01/2022 chị Võ Thị L có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập.

*** Tại đơn yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Đ trình bày:** Bà được biết hiện vợ chồng chị Võ Thị Kiều O và anh Nguyễn Tấn T đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Phía anh T có yêu cầu chia tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 và đất cặp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 5,50m, dài 19m, diện tích 104,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc tài sản nêu trên là do bà chuyển nhượng của ông Ngô Văn Hùng, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2005 với giá là 50.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng trên đất đã có sẵn 01 căn nhà cây, lợp tôn. Khi chuyển nhượng hai bên chỉ làm giấy tay và cho đến nay vẫn chưa được cấp giấy

chứng nhận QSD đất. Do bị mất giấy chuyển nhượng nên năm 2018 bà có yêu cầu ông Hùng làm lại ngày 26/3/2018.

Năm 2017 do nhà xuống cấp nên bà đã tiến hành xây dựng lại với tổng chi phí là 400.000.000 đồng. Sau khi xây xong do thấy vợ chồng anh T chị O không có nhà ở nên bà có cho vợ chồng anh chị ở nhờ từ đó cho đến nay.

Nay bà yêu cầu Tòa án công nhận QSD cho bà và buộc vợ chồng anh Nguyễn Tấn T, chị Võ Thị Kiều O trả lại cho bà 01 căn nhà cấp 4 và đất cấp mé sông Cái Sắn diện tích ngang 5,50m, dài 19m, diện tích 104,5m², đất tọa lạc tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26/01/2022 bà Trương Thị Đ có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa:

- Anh T yêu cầu xin ly hôn với chị O. Anh đồng ý giao con cho chị O nuôi dưỡng.

- Chị O đồng ý ly hôn với anh T. Chị yêu cầu nuôi con chung.

- Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa.

+ Về nội dung: Đối với hôn nhân đề nghị HĐXX Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T với chị O. Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh T và chị O. Giao con chung tên Võ Hoàng Hương, sinh ngày 01/01/2015 cho chị O nuôi dưỡng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T về yêu cầu chia tài sản chung.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Võ Thị Kiều O về yêu cầu chia tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Võ Thị L về yêu cầu trả nợ đối với vợ chồng anh T – chị O.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Trương Thị Đ về yêu cầu công nhận QSD đất và đòi lại tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn chị Võ Thị Kiều O trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Châu Thành nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Đ, chị Võ Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1, chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo anh T và chị O trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị thiết lập vào năm 2014. Anh chị thừa nhận anh chị đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị O có ý kiến đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào các quy định Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tấn T với chị Võ Thị Kiều O.

- *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung tên Võ Hoàng Hương, sinh ngày 01/01/2015 hiện nay đang sống cùng với chị O. Anh T đồng ý giao con chung cho chị O nuôi dưỡng. Xét thấy, tại biên bản ngày 14/02/2022 cháu Hương có ý kiến “là muốn được sống chung với mẹ” và tại biên bản hòa giải ngày 21/02/2022 cũng như tại phiên tòa hôm nay chị O có ý kiến: đồng ý nuôi dưỡng cháu Hương. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa anh T và chị O là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Giao cháu Võ Hoàng Hương, sinh ngày 01/01/2015 cho chị O tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị O nuôi dưỡng cháu Hương thì anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại đơn yêu cầu phản tố chị O có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Ngày 26/01/2022 chị O có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. HĐXX, xét thấy việc rút yêu cầu của chị O là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX

đình chỉ đối với yêu cầu này.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Tại khởi kiện anh Nguyễn Tấn T, tại đơn yêu cầu phản tố chị Võ Thị Kiều O thì anh T và chị O đều có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng anh chị. Tại đơn yêu cầu độc lập chị Võ Thị L có yêu cầu vợ chồng anh T, chị O trả số tiền là 200.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị O và chị L đã tự thỏa thuận với nhau nên anh T, chị O và chị L có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu của anh T, chị O và chị L là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên nên HĐXX đình chỉ đối với các yêu cầu nêu trên.

- *Về yêu cầu công nhận QSD đất và đòi lại tài sản:* Tại đơn yêu cầu độc lập bà Đ yêu cầu công nhận QSD đất và đòi lại tài sản đối với vợ chồng anh Nguyễn Tấn T, chị Võ Thị Kiều O. Ngày 26/01/2022 bà Đ có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập. Xét thấy, việc rút yêu cầu của bà Đ là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên nên HĐXX đình chỉ đối với các yêu cầu nêu trên.

[4] Về ý kiến của đại diện VKSND huyện Châu Thành: Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232; khoản 1 Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 83 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tấn T với chị Võ Thị Kiều O

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nguyễn Tấn T với chị Võ Thị Kiều O. Sự thỏa thuận của anh chị như sau: Giao cháu Võ Hoàng Hương, sinh ngày 01/01/2015 cho chị O tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị O nuôi dưỡng cháu Hương thì anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T đối với yêu cầu chia tài sản chung.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của chị Võ Thị Kiều O đối với yêu cầu chia tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên: Chị Võ Thị L và bà Trương Thị Đ (do anh Võ Thanh T là người đại diện theo ủy quyền).

6. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 15.000.000 đồng mà anh T đã nộp theo biên lai thu số: 0001719, ngày 13/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.700.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trả lại cho chị Võ Thị Kiều O số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà chị O đã nộp theo biên lai thu số: 0000857, ngày 17/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trả lại cho chị Võ Thị L số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0000858, ngày 17/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Trả lại cho bà Trương Thị Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số: 0000856, ngày 17/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (do chị Võ Thị Kiều O nộp thay).

7. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tấn T và chị Võ Thị Kiều O có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trương Thị Đ và chị Võ Thị L có

quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đường sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **44/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày 22/12/2021.

V/v “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Ứng Cường**.

Ông **Vũ Văn Hợp**.

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Quyên** - Thư ký
TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham
phiên tòa:*** Ông **Huỳnh Tấn Lực** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 368/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Loan**, sinh năm 1974.

* Bị đơn: Anh **Lưu Quốc Kỳ**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Loan có mặt tại phiên tòa; Anh Kỳ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn chị Ngô Thị Loan trình bày như sau:

Về hôn nhân: Năm 1993 chị và anh Kỳ tự tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 02 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng cho đến nay vẫn không thể dung hòa được cuộc sống gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kỳ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 02 con chung tên Lưu Thị Bé Thi, sinh ngày 10/9/1994 và Lưu Quốc Vỹ, sinh ngày 18/01/2004. Cháu Thi đã trưởng thành, đã lập gia đình, không có nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu Lưu Quốc Vỹ hiện đang sống chung với anh Kỳ. Tùy theo nguyện vọng của cháu Vỹ muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng. Người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

**** Tại biên bản ghi lời khai ngày 6/11/2021 của bị đơn anh Lưu Quốc Kỳ trình bày như sau:***

Về hôn nhân: Năm 1993 anh và chị Loan tự tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh thường đi ghe cào không có ở nhà thì chị Loan tự ý dọn đồ đi ra ngoài ở trọ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Loan.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 02 con chung tên Lưu Thị Bé Thi, sinh ngày 10/9/1994 và Lưu Quốc Vỹ, sinh ngày 18/01/2004. Cháu Thi đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu Lưu Quốc Vỹ muốn sống với anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị Loan phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng anh chị không có nên

không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa:

- Chị Loan giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa.

+ Về nội dung: Đối với hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Loan. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Loan với anh Kỳ. Về con chung: Giao cháu Vỹ cho anh Kỳ nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Loan phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Loan thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Lưu Quốc Kỳ trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Châu Thành nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lưu Quốc Kỳ là bị đơn trong vụ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo chị Loan và anh Kỳ trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị thiết lập vào năm 1993. Anh chị thừa nhận anh chị đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị Loan, anh Kỳ có ý kiến đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó,

căn cứ vào các quy định Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị Loan với anh Lưu Quốc Kỳ.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung tên Lưu Thị Bé Thi, sinh ngày 10/9/1994 và Lưu Quốc Vỹ, sinh ngày 18/01/2004. Cháu Thi đã trưởng thành, đã lập gia đình, không có nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với cháu Lưu Quốc Vỹ hiện nay đang sống cùng anh Kỳ. Xét thấy, tại biên bản ngày 05/11/2021 cháu Vỹ có ý kiến “*là muốn được sống chung với cha*” và tại biên bản ngày 06/11/2021 anh Kỳ cũng có ý kiến “*nếu cháu Vỹ muốn sống cùng anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng*”. Tại đơn khởi kiện chị Loan có ý kiến “*Tùy theo nguyện vọng của cháu Vỹ muốn sống chung với chị hay anh Kỳ thì người đó nuôi dưỡng*” và tại phiên tòa hôm nay chị Loan có ý kiến: Cháu Vỹ có nguyện vọng muốn sống chung với anh Kỳ thì chị đồng ý giao cháu Vỹ cho anh Kỳ tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lưu Quốc Vỹ cho anh Kỳ được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Trong thời gian anh Kỳ nuôi dưỡng cháu Vỹ thì chị Loan được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Kỳ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Loan, anh Kỳ xác nhận anh chị không có nên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị Loan phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232; khoản 2 Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị Loan với anh Lưu Quốc Kỳ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lưu Quốc Vỹ, sinh ngày 18/01/2004 cho anh Lưu Quốc Kỳ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị Loan được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị Loan phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Loan đã nộp theo biên lai thu số: 0001759, ngày 24/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (chị Loan đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị Loan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Kỳ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thảo

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Châu Thành, ngày 22 tháng 12 năm
2021*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 40 phút, ngày 22 tháng 12 năm 2021

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Ứng Cương**.

Ông **Vũ Văn Hợp**.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 368/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Loan**, sinh năm 1974.

* Bị đơn: Anh **Lưu Quốc Kỳ**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về áp dụng pháp luật:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232; khoản 2 Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

- **Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị Loan với anh Lưu Quốc Kỳ.

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

- **Về con chung:** Giao con chung tên Lưu Quốc Vỹ, sinh ngày 18/01/2004 cho anh Lưu Quốc Kỳ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị Loan được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

- **Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung:** Không xét.

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

- **Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Buộc chị Ngô Thị Loan phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Loan đã nộp theo biên lai thu số: 0001759, ngày 24/9/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (chị Loan đã nộp xong).

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

- **Quyền kháng cáo:** Chị Loan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Kỳ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng

nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thảo